

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 42/TTr-SGDĐT ngày 08/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT. KGVX. 20b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

ĐỀ ÁN

Cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021 - 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2022
của UBND tỉnh Sơn La)*

PHẦN I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Sự nghiệp giáo dục có vị trí quan trọng trong chiến lược xây dựng con người, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới.

Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông (MN, PT) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), là nền tảng để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục và đào tạo của nước ta phải đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định khâu đột phá đầu tiên trong ba khâu đột phá của nhiệm kỳ là “*Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là bậc trung học phổ thông (THPT) và giáo dục nghề nghiệp*”. Một trong những giải pháp về GD&ĐT được đề ra trong Nghị quyết là: “*Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT; tập trung nâng cao chất lượng các cấp học*”.

Trong những năm qua, chất lượng giáo dục MN, PT của tỉnh đã có tiến bộ quan trọng, có những tăng trưởng rõ rệt về quy mô và chất lượng. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục của tỉnh còn ở mức thấp so với mặt bằng chung cả nước và so với các tỉnh lân cận, hiệu quả giáo dục MN, PT, giáo dục thường xuyên (GDTX) còn hạn chế, nhất là cấp THPT.

Trước yêu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển “nhanh, xanh, bền vững” của tỉnh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, việc xây dựng Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục các trường mầm non, phổ thông, GDTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (*thực hiện từ năm học 2021 - 2022*

đến hết năm học 2024 - 2025) là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh trước mắt và lâu dài, phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Giáo dục 2019.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội khóa XIII về đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

- Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

- Quyết định số 268/QĐ-TTg, ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Quyết định số 1969/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Kế hoạch của ngành Giáo dục triển khai Quyết định số 268/QĐ-TTg, ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

- Kế hoạch 164-KH/TU ngày 04/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc thực hiện Kế hoạch 164-KH/TU ngày 04/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kế hoạch số 162-KH/TU ngày 4/10/2019 của Tỉnh ủy Sơn La về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập; Kế hoạch số 253/KH-UBND của UBND tỉnh Sơn La về triển khai thực hiện Kế hoạch số 162-KH/TU ngày 04/10/2019 của Tỉnh ủy Sơn La.

- Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

1.1. Tình hình chung

Tỉnh Sơn La nằm ở khu vực Tây Bắc bộ, có vị trí địa lý tiếp giáp với 6 tỉnh, có đường biên giới với Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (với 3 cửa khẩu), là điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên là 14.110 km², đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sơn La có điều kiện khí hậu thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2015 - 2020 đạt 5,46%; năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt 44,1 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 18,62%; toàn tỉnh có 49/204 xã đạt chuẩn nông thôn mới; diện tích cây ăn quả đạt 80.515 ha, lớn thứ 2 trong cả nước; tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng bình quân 5,3%/ năm; quốc phòng - an ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội ổn định, giữ vững biên giới quốc gia; các hoạt động đối ngoại được củng cố, tăng cường và mở rộng. Nhìn chung, nền kinh tế của tỉnh đang trên đà phát triển, bước đầu thu hút được sự quan tâm đầu tư của nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm, thị trường và sở hữu công nghệ tiên tiến, chủ yếu trong lĩnh vực chế biến nông sản và du lịch.

Tỉnh Sơn La có nền văn hóa phong phú, đa dạng. Trên địa bàn tỉnh có 12 dân tộc cùng sinh sống, có 1.248.416 người, đứng thứ 31/63 tỉnh thành về dân số. Dân tộc Thái chiếm 54,7%, dân tộc Kinh chiếm 17,42%, dân tộc Mông chiếm 13%, dân tộc Mường chiếm 8,15% và các dân tộc khác chiếm 6,73%.

1.2. Những thuận lợi, khó khăn có ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục

a) Thuận lợi

Trình độ dân trí ở vùng thuận lợi tương đối cao, có nhận thức tương đối đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục, sẵn sàng đầu tư cho con em học hành.

Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, chính sách khuyến học khuyến tài và một số chính sách khác để thúc đẩy sự phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Khó khăn

Điều kiện kinh tế của tỉnh còn thấp, tình trạng đói nghèo, tái nghèo, di cư tự do vẫn còn diễn ra; an sinh xã hội đối với đời sống của người dân các vùng xa xôi, hẻo lánh còn gặp nhiều khó khăn; đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo cao, tỉ lệ người lao động phải đi làm ăn xa trên địa bàn tỉnh cao nên nhiều học sinh không có cha mẹ chăm sóc, quản lý. Tỉ lệ học sinh bỏ học ở cấp THCS và THPT trên địa bàn tỉnh còn khá cao do nhiều gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện cho con em đến trường, nhiều học sinh tốt nghiệp THCS phải bỏ học tham gia lao động, sản xuất.

Số lượng học sinh trên địa bàn tỉnh lớn, đa số học sinh người dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nguồn lực của tỉnh còn hạn chế nên việc đầu tư cho giáo dục ở các vùng này còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế so với yêu cầu đổi mới giáo dục.

Địa hình tỉnh Sơn La chia cắt sâu và mạnh, vùng núi chiếm trên 85% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, dân cư trên địa bàn tỉnh thưa thớt, sống rải rác, điều kiện giao thông chưa được nâng cấp đầy đủ ở nhiều địa phương, một số vùng có dân cư sinh sống chưa có đường giao thông, giáo viên và học sinh đến trường không sử dụng được các phương tiện giao thông, phải đi bộ hoặc qua sông, qua đò.

Trên địa bàn tỉnh phải duy trì nhiều điểm trường lẻ, gây khó khăn cho công tác quản lý chất lượng giáo dục. Tỉ lệ học sinh học lớp 3 trở lên phải ở trọ hoặc ở bán trú tại các trường ở trung tâm các xã, huyện khá cao nên thiếu sự quan tâm, phối hợp từ gia đình với nhà trường trong khâu quản lý và giáo dục học sinh.

Trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra thiên tai, gây thiệt hại không nhỏ về kinh tế cho nhân dân, các địa phương và ngành giáo dục. Các tệ nạn xã hội, đặc biệt tệ nạn ma túy có nguy cơ gia tăng xâm nhập học học đường; còn tồn tại nhiều hủ tục như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... làm ảnh hưởng đến quá trình và kết quả giáo dục của các đơn vị giáo dục trong tỉnh.

Trình độ dân trí ở các địa phương vùng cao, vùng xa, vùng sâu, vùng lòng hồ Sông Đà còn nhiều mặt hạn chế, một bộ phận các gia đình chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của giáo dục, chưa sẵn sàng hoặc không có đủ điều kiện để quan tâm đầu tư cho con em học hành.

2. Thực trạng giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020

2.1. Kết quả đạt được

2.1.1. Quy mô, mạng lưới trường lớp

Quy mô mạng lưới trường lớp được bố trí rộng khắp, các huyện đều có tối thiểu 01 trường THPT, 01 trung tâm GDTX; hầu hết mỗi xã có tối thiểu 01 trường mầm non, 01 trường TH, 01 trường THCS hoặc trường liên cấp TH&THCS; hầu hết các bản, cụm bản ở xa trung tâm xã đều có các điểm trường mầm non và tiểu học (*lớp 1, lớp 2, lớp 3*), đảm bảo cho mọi học sinh đều có cơ hội được học tập với điều kiện học tập tối thiểu.

Đến năm học 2020-2021, toàn tỉnh Sơn La có 607 trường mầm non, phổ thông, trung tâm GDTX với 12.828 lớp, 371.219 học sinh (*228 trường mầm non, 97 trường TH, 146 trường TH&THCS, 80 trường THCS, 44 trường có cấp THPT, 12 Trung tâm GDTX*); có 50,92% trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia; có 240 trường TH, THCS có học sinh bán trú.

Các loại hình trường mầm non, phổ thông đang hoạt động trên địa bàn tỉnh:

- Có 200/228 trường mầm non có điểm trường với 1.292 điểm trường, trung bình mỗi trường có 5,6 điểm trường, trường có nhiều điểm trường nhất là 18 điểm.

- Có 181/323 trường có cấp tiểu học có điểm trường với tổng số điểm trường là 1.343 (*243 điểm trường chính, 1.100 điểm trường lẻ*), trung bình mỗi trường có 5,5 điểm trường, trong đó có 33 trường có từ 9 điểm trường trở lên, trường có nhiều điểm trường nhất là 15 điểm trường.

- Có 11 trường PTDTNT THCS&THPT, 02 trường THCS-THPT, 01 trường TH-THCS-THPT thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, 01 trường phổ thông tư thục liên cấp TH - THCS & THPT.

- Có 30 trường THPT, trong đó có 01 trường PTDTNT cấp THPT, 01 Trường THPT Chuyên.

- Có 12 trung tâm GDTX; trong đó có 01 trung tâm GDTX tỉnh, 11 trung tâm GDTX huyện.

- Có 15 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường TH-THCS-THPT ngoài công lập.

- Có 13 trung tâm ngoại ngữ, tin học; 06 trung tâm giáo dục kỹ năng sống.

- Chưa có trung tâm giáo dục hòa nhập cấp tỉnh và điều kiện để tổ chức thực hiện giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của tỉnh còn rất khó khăn, hạn chế.

2.1.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV)

Tỷ lệ GV/lớp: Cấp mầm non đạt 1,48 GV/lớp (*nhà trẻ: 1,56 GV/lớp, theo quy định tối đa 2,5 GV/lớp; mẫu giáo 1,46 GV/lớp, theo quy định tối đa 2,2 GV/lớp để dạy học 2 buổi/ngày*); cấp tiểu học đạt 1,3 GV/lớp, theo quy định tối đa 1,5 GV/lớp để dạy học 2 buổi/ngày; cấp THCS đạt 1,93 GV/lớp (*theo quy định tối đa 1,9 GV/lớp, trường nội trú 2,2 GV/lớp*), cấp THPT đạt 1,8 GV/lớp (*theo quy định tối đa 2,25 GV/lớp, trường nội trú 2,4 GV/lớp*).

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 ở cấp mầm non là 82,23%, cấp tiểu học là 56,28%, cấp THCS là 63,48%.

2.1.3. Cơ sở vật chất, tài chính

Đến năm học 2020-2021, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, thư viện, nhà làm việc, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, nhà ăn, công trình vệ sinh, nước sạch, các công trình phụ trợ của các cơ sở giáo dục đã được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; cơ bản đáp ứng đủ 1 phòng/lớp học, đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày.

Toàn tỉnh có 13.241 phòng học. Trong đó có 69,7% phòng học kiên cố, 26,4% phòng học bán kiên cố, 3,9% phòng học tạm.

Về thiết bị dạy học tối thiểu: Tính bình quân cấp học mầm non đạt khoảng 70%; cấp tiểu học đạt khoảng 70%-75%; cấp THCS đạt khoảng 50%; cấp học THPT đạt khoảng 50%.

Hàng năm ngân sách chi cho giáo dục đều tăng, cơ sở vật chất từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Tuy nhiên, kinh phí chi chủ yếu cho lương và các chế độ chính sách cho học sinh.

2.1.4. Ứng dụng CNTT, đổi mới dạy và học

Các đơn vị giáo dục trong tỉnh đã hoàn thiện việc cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành để phục vụ tốt công tác quản lý giáo dục.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý giáo dục được đẩy mạnh, 80% các cơ sở giáo dục đã kết nối internet, 100% các trường THPT có tối thiểu 01 phòng máy tính phục vụ giảng dạy môn Tin học và các thiết bị công nghệ thông tin khác phục trợ công việc quản lý hành chính, 90% các trường sử dụng phần mềm quản lý, trong đó hầu hết là phần mềm quản lý theo mô hình trực tuyến.

Bước đầu hình thành và phát triển việc xây dựng Kho học liệu số toàn ngành, nhiều đơn vị đã ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là khâu chấm bài trắc nghiệm.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, ngành GD&ĐT đã chủ động triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến qua Internet, trên truyền hình.

Các trường MN, PT đều tích cực triển khai việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá để chuẩn bị và tổ chức triển khai Chương trình giáo dục MN năm 2021 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.1.5. Chất lượng giáo dục

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục từng bước được tăng cường quản lý và cải tiến trong tổ chức thực hiện theo hướng nghiêm túc, khoa học để đảm bảo tính khách quan, công bằng, chính xác.

Chất lượng giáo dục đại trà ở phần lớn các cơ sở giáo dục đã được cải thiện, nhất là ở vùng thuận lợi, ở các vùng khó khăn cũng đang dần dần từng bước được cải thiện. Qua đánh giá hàng năm, chất lượng giáo dục luôn có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ, kết quả năm sau cao hơn năm trước, cơ bản đáp ứng được yêu cầu

cung cấp kiến thức “phổ thông, cơ bản” cho học sinh để tiếp tục học lên cấp học trên hoặc giáo dục nghề nghiệp (*sau THCS và THPT*). Kết quả đánh giá, xếp loại học lực hàng năm tương đối cao, tỉ lệ học sinh được đánh giá đạt yêu cầu đạt trên 98%, trong đó tỉ lệ học sinh được đánh giá có lực học khá, giỏi đạt khoảng 40%.

Đã có sự quan tâm, đầu tư cho công tác giáo dục mũi nhọn. Số học sinh tham gia thi học sinh giỏi các cấp, số học sinh THCS đạt giải tại các kỳ thi cấp huyện, cấp tỉnh tăng dần trong những năm học vừa qua. Số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi quốc gia cũng từng bước được cải thiện, trung bình mỗi năm có từ 6 đến 10 giải, vị trí xếp hạng dao động từ 53 đến 55/63 tỉnh thành. Số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, đạt giải tại cuộc thi các cấp cũng tăng đều theo các năm học. Hàng năm, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học đều tăng, đến giai đoạn hiện tại trung bình mỗi năm có khoảng 25% học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, trong đó có nhiều học sinh trúng tuyển vào các trường đại học top đầu.

Nhìn chung, chất lượng giáo dục phổ thông có tiến bộ, đã cung cấp được kiến thức phổ thông cơ bản cho phần lớn học sinh để tiếp tục học lên đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc phân luồng tham gia lao động xã hội.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm và đạt kết quả tốt. Giai đoạn 2015 - 2020, toàn tỉnh có 287/595 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 48,2% (*108/228 trường mầm non, đạt tỉ lệ 47,36%; 179/367 trường phổ thông, đạt tỉ lệ 48,77%*). Đến hết năm học 2020 - 2021 có 50,92% trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

2.1.6. Công tác xã hội hóa giáo dục

Các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp hàng năm đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, chính sách ưu đãi người học và khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia phát triển GD&ĐT.

Số lượng cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp tham gia thực hiện xã hội hóa giáo dục tăng đáng kể so với giai đoạn trước, đã đóng góp nhân lực, vật lực để xây dựng nhà lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở cho học sinh bán trú, mua sắm trang thiết bị dạy học, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp. Nhiều học sinh được ăn, ở bán trú tại trường nhờ kết quả của công tác xã hội hóa giáo dục. Nhiều nhà trường, nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tiền mặt, hiện vật và nhiều hình thức tài trợ phi vật chất.

Hệ thống cơ sở giáo dục MN, PT ngoài công lập đã được hình thành và từng bước được mở rộng trên địa bàn tỉnh.

2.1.7. Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính đã được ngành giáo dục và đào tạo chú trọng đẩy mạnh theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại, trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức. Ngành đã xác định cải cách hành chính là một nhiệm vụ phải được thực hiện thường xuyên và khâu đột phá của ngành GD&ĐT khi thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện; phải hướng tới đơn giản,

hiệu quả giúp giải quyết công việc một cách nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Để thực hiện nhiệm vụ này, ngành đã đặt ra các mục tiêu cụ thể như: tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quán triệt, triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, thường xuyên chỉ đạo rà soát giải quyết các khó khăn, vướng mắc về công tác cải cách hành chính, khắc phục tình trạng giao khoán nhiệm vụ cải cách hành chính cho cấp phó, cho công chức, viên chức tham mưu giúp việc...; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực hiện công vụ; gắn liền công tác cải cách hành chính với các nhiệm vụ chuyên môn như kịp thời đổi mới và nâng cao chất lượng, tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm góp phần tạo ra diện mạo mới cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, tạo sự đồng thuận của đông đảo nhân dân và toàn xã hội. Từ đó, góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh và cả nước.

Công tác duy trì hệ thống ISO trong những năm qua với phiên bản ISO 9001:2015 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2020 - 2021, Sở GD&ĐT đã xây dựng, vận hành hệ thống quản lý chất lượng tích hợp theo bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 và ISO 21001:2018 và đã được tổ chức Frenchcert và ABCAB, Vương quốc Anh đánh giá chứng nhận ngày 22/01/2020 (*là tổ chức giáo dục đầu tiên của Việt Nam được cấp chứng nhận ISO 21001:2018*). Việc áp dụng các thủ tục quy trình theo tiêu chuẩn ISO đã mang lại hiệu quả thiết thực, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của tỉnh và Chính phủ.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Quy mô, mạng lưới trường lớp về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu học tập đối với trẻ mầm non, tuy nhiên trên địa bàn tỉnh còn tồn tại nhiều điểm trường lẻ trong đó có nhiều điểm cách xa trung tâm trường, nhiều trường liên cấp (TH-THCS) nhưng 2 cấp học lại quá xa về khoảng cách, một số trường có số lớp, số học sinh vượt quá quy định ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý và chất lượng dạy học; còn nhiều trường có số lượng điểm trường vượt quá so với quy định, gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh.

Thiếu nhiều giáo viên theo định mức quy định của Nhà nước, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học và giáo viên Ngoại ngữ, Tin học để đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 còn cao. Tỷ lệ CBQL, giáo viên có trình độ trên chuẩn thấp. Còn một tỷ lệ không nhỏ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có năng lực chuyên môn hạn chế, tinh thần trách nhiệm trong công việc chưa cao, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện của các trường học còn rất thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều trường còn thiếu phòng học bộ môn và các phòng chức năng phục vụ cho công tác

dạy và học; trang thiết bị phục vụ việc dạy học ngoại ngữ, tin học, âm nhạc, mỹ thuật, thể dục thể thao vẫn còn thiếu so với nhu cầu học tập của học sinh.

Các nguồn lực tài chính đầu tư cho giáo dục còn hạn hẹp, chưa thực sự đảm bảo để các nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục một cách đồng bộ, hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong quản lý và tổ chức dạy học, việc đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Tỉ lệ cơ sở giáo dục ngoài công lập còn thấp, chủ yếu ở cấp học mầm non, tốc độ phát triển số lượng chậm; tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với mặt bằng chung cả nước, chất lượng giáo dục của các trường đã đạt chuẩn quốc gia chưa thực sự cao; chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, THCS chưa cao.

Tỉ lệ học sinh bỏ học ở cấp THCS và THPT khá cao. Hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS thấp. Hàng năm có khoảng 25% học sinh tốt nghiệp THCS không đi học nghề, không học tiếp lên THPT, GDTX, lựa chọn tham gia thị trường lao động không qua đào tạo nghề; một bộ phận khác lựa chọn học nghề nhưng không có sự tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp dẫn đến sau khi học nghề xong không có việc làm ổn định.

Chất lượng giáo dục đại trà chưa đồng đều giữa các địa bàn trong tỉnh, kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng giáo dục. Mặc dù kết quả đánh giá hết cấp học của các đơn vị giáo dục đều đạt yêu cầu, thậm chí tỉ lệ học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình ở mức khá, giỏi rất cao nhưng thực tế qua kết quả khảo sát chất lượng theo chuẩn kiến thức kỹ năng của lớp học, cấp học, còn một tỉ lệ không nhỏ học sinh hoàn thành cấp tiểu học lên THCS chưa đọc thông, viết thạo, không có khả năng thực hiện các phép tính đơn giản, chưa hình thành được các kỹ năng sống đơn giản để thích ứng với yêu cầu của cuộc sống hiện đại, nhất là học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Nhiều học sinh tốt nghiệp cấp THCS lên THPT không đáp ứng được yêu cầu để vào học chương trình THPT, các trường THPT phải đầu tư tương đối nhiều thời gian, nhân lực cho việc phụ đạo, bù đắp kiến thức cho học sinh. Trong giai đoạn 2015-2019, tỉ lệ học sinh lên lớp 12 có nguy cơ trượt tốt nghiệp trong các trường THPT khá cao, kết quả thi tốt nghiệp THPT xếp ở tốp cuối cùng so với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Việc phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nghiên cứu khoa học ở các cấp học, nhất là cấp THPT đã được quan tâm và có nhiều cố gắng song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Chất lượng giáo dục mũi nhọn đã được cải thiện nhưng chưa ổn định, chưa bền vững và thường xuyên đứng ở thứ hạng thấp so với các địa phương trong khu vực và toàn quốc.

Việc mở rộng quy mô, nâng cao năng lực học ngoại ngữ, tin học cho học sinh còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay. Số trẻ được làm quen với tiếng Anh trong các trường mầm non; số học sinh được học ngoại ngữ, tin học cấp tiểu học còn thấp, nhất là ở các trường thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn; tỉ lệ học sinh được học tin học cấp THCS thấp.

Môi trường giáo dục trong các nhà trường chưa thật đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của học sinh. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và các hoạt động giáo dục ngoài giờ khác cho học sinh vẫn còn hạn chế, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật chưa đảm bảo.

Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả chưa cao, chưa khai thác được tối đa các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục; sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội chưa chặt chẽ, hiệu quả.

Công tác cải cách hành chính đã được chú trọng nhưng chưa thực sự đi vào chiều sâu, hiệu quả đạt được còn có mặt hạn chế; kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức, trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả thực hiện công vụ của một số cán bộ, công chức và một tỉ lệ không nhỏ cán bộ quản lý trường học chưa cao.

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế.

Điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh có nhiều yếu tố bất lợi, gây khó khăn, cản trở đối với sự phát triển của giáo dục và đào tạo. Trình độ dân trí chưa đồng đều, đời sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn nên nhiều gia đình chưa có điều kiện để quan tâm đúng mức đến giáo dục.

Cơ chế, chính sách đặc thù để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chưa thực sự đầy đủ, toàn diện, chưa đảm bảo để khuyến khích, thúc đẩy chất lượng đội ngũ và thu hút nhân tài về công tác trong ngành giáo dục.

Sự phối hợp giữa ngành GD&ĐT với các ban ngành, đoàn thể của tỉnh và chính quyền các địa phương trong tỉnh có mặt, nội dung chưa thực sự chặt chẽ.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa có nhận thức đúng đắn về ý thức, trách nhiệm của cá nhân đối với nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục một cách thực chất, còn chạy theo thành tích, không tận tâm với nghề, với học sinh, thụ động trong công việc, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ thấp. Kỷ cương, nề nếp tại một số các trường mầm non, phổ thông chưa nghiêm; một bộ phận hiệu trưởng, cán bộ quản lý trường học chưa gương mẫu trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Năng lực của một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy.

Các cơ quan quản lý giáo dục chưa có giải pháp hiệu quả đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, từ đó sàng lọc những cán bộ quản lý, giáo viên không đủ năng lực để có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách. Chưa có chiến lược, kế hoạch và chính sách hỗ trợ để tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từ cấp Sở đến các phòng GD&ĐT còn nhiều mặt hạn chế; công tác quản trị trường học ở các cấp học hiệu quả thấp, nhất là công tác kiểm soát một cách khách quan, chính xác quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường, quá trình và kết quả dạy học của giáo viên, quá trình và kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh. Chưa có chủ trương rõ ràng về kiểm soát, đánh giá chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông một cách thực chất từ Sở GD&ĐT đến phòng GD&ĐT và các trường học (*hệ thống quản lý chưa tập trung vào quản lý chặt chất lượng và cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục*).

Chưa có các biện pháp đồng bộ để thúc đẩy cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục một cách thực chất: Việc giao chỉ tiêu chất lượng gắn chưa gắn với chuẩn đầu ra của cấp học; chưa có các kỳ kiểm tra, đánh giá khách quan, khoa học chất lượng và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng chung (*kiểm tra học kỳ, khảo sát chất lượng, tuyển sinh...*); chưa xác định kết quả cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục là tiêu chí trọng tâm để đánh giá nhà trường, hiệu trưởng, giáo viên trong xét thi đua - khen thưởng; chưa chủ động, tích cực trong công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về chủ trương, biện pháp, giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường (*Công đoàn, Đoàn thanh niên...*) và ngoài nhà trường (*Hội khuyến học, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ...*) và Hội cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận, tập hợp các nguồn lực thúc đẩy cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục một cách thực chất và bền vững.

Việc đánh giá chất lượng giáo dục ở nhiều trường chưa thực chất, còn nặng về thành tích do không có kỳ thi theo chuẩn kiến thức, kỹ năng chung cuối kỳ, cuối năm, cuối cấp tiểu học, THCS; không thi tuyển sinh vào cấp THCS, THPT; Quy chế xét tốt nghiệp THCS chỉ tính điểm học bạ, Quy chế xét tốt nghiệp THPT tính cả điểm thi và điểm học bạ cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng đánh giá kết quả học tập của học sinh trong nhiều nhà trường không thực chất.

Việc giao chỉ tiêu chất lượng một cách hình thức theo tỷ lệ phần trăm nhưng không có cơ chế kiểm soát, đánh giá chất lượng một cách thực chất theo chuẩn kiến thức, kỹ năng dẫn đến tư tưởng và hành động chạy theo thành tích đã tồn tại trong một thời gian dài và khá phổ biến trong ngành giáo dục.

Việc bàn giao, nghiệm thu chất lượng giáo dục triển khai chưa hiệu quả, nặng tính hình thức, chưa thực chất và bị chi phối tương đối lớn bởi yếu tố thành tích.

Công tác thi đua, khen thưởng còn hình thức, chưa gắn với việc đánh giá, kiểm soát chất lượng một cách thực chất.

Thực trạng chất lượng giáo dục nêu trên phản ánh tình trạng thiếu hiệu quả trong công tác quản lý chất lượng giáo dục, dẫn đến hiệu quả giáo dục chưa cao và lãng phí kinh phí, nhân lực đầu tư cho giáo dục; không đảm bảo hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh. Từ đó đặt ra vấn đề cấp thiết phải cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

PHẦN II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và của toàn xã hội nhằm đào tạo nguồn nhân lực để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội, mọi gia đình nhằm tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước, đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực cho phát triển GD&ĐT, tạo sự chuyển biến toàn diện, vững chắc về quy mô, chất lượng ở các cấp học, bậc học, nhất là cấp THPT. Quá trình phát triển giáo dục mầm non, phổ thông phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức phổ thông, cơ bản giúp thế hệ trẻ có thể tiếp tục học nghề hoặc học lên trình độ cao; tạo nền tảng để xây dựng nguồn nhân lực tương lai cho địa phương, đất nước.

3. Quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục phải hướng tới thực hiện hiệu quả mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc” và mục tiêu Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”.

4. Công tác đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng phải được làm tốt, đồng bộ, với các biện pháp, giải pháp phù hợp, thực chất từ các cấp học nền tảng (*Mầm non, Tiểu học; đặc biệt chú trọng công tác tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số*) đến THCS và THPT, bao gồm cả hệ GDTX.

5. Thống nhất quan điểm và chủ trương thực hiện: **“Quyết tâm, tập trung cao, kiên trì để thực hiện có hiệu quả các giải pháp, biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục một cách thực chất và bền vững với lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay của Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La”**.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung mọi nguồn lực và điều kiện tạo sự chuyển biến về chất lượng giáo dục. Phần đầu đạt được mục tiêu, chỉ tiêu về GD&ĐT được đề ra trong Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV: *“Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt 70,1%”*; *“Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn”*; *“tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là bậc THPT và giáo dục nghề nghiệp”* và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Sơn La về việc chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030: *“đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; đào*

tao, phổ cập kỹ năng số cho người dân; đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số và chương trình các cấp học”. Qua đó thực hiện mục tiêu nâng cao mặt bằng dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm sự chênh lệch về chất lượng GD&ĐT các cấp học, bậc học so với các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc và so với mặt bằng chung toàn quốc, chủ động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, xanh và bền vững kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh Sơn La, sớm trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của vùng Tây Bắc và các tỉnh Bắc Lào.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Giáo dục mầm non

- Giữ vững, duy trì kết quả, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập, tăng thêm tối thiểu 10 trường mầm non ngoài công lập.

- Xây dựng tối thiểu mỗi huyện một trường mầm non công lập trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục và xã hội hóa giáo dục để các trường khác trên địa bàn học tập.

- Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục:

+ Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đến năm 2025: thể nhẹ cân xuống dưới 5%, thể thấp còi xuống dưới 7%.

+ 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 được phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội.

+ Đối với trẻ mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn: 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là người dân tộc thiểu số có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Việt (tương đương với tỉ lệ 100% trẻ đạt yêu cầu qua kết quả khảo sát chất lượng phạm vi toàn tỉnh đối với trẻ vào lớp 1).

+ Đối với trẻ mầm non ở các vùng thuận lợi: 100% trẻ 6 tuổi đạt yêu cầu qua kết quả khảo sát chất lượng trên phạm vi toàn tỉnh đối với trẻ vào lớp 1, trong đó có tối thiểu 60% trẻ đạt kết quả khảo sát ở mức khá trở lên; 50% trẻ 5 tuổi được tham gia Chương trình trẻ làm quen với tiếng Anh và đạt kết quả theo yêu cầu.

- Tối thiểu 30% trường mầm non có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEAM hiệu quả.

- 100% trẻ được giáo dục và hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

- 100% trường mầm non có đủ điều kiện (nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định.

2.2. Giáo dục phổ thông

2.2.1. Cấp tiểu học

- Cùng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, đến năm 2022 tỉnh được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đến năm 2025 tỉnh được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Xây dựng tối thiểu mỗi huyện một trường công lập có cấp tiểu học trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục và xã hội hóa giáo dục để các trường học khác trên địa bàn học tập.

- Tối thiểu 98% học sinh sau lớp 1 được khảo sát trên phạm vi toàn tỉnh biết đọc, biết viết tiếng Việt và thông thạo về 2 phép tính vào năm 2025.

- Tối thiểu 98% học sinh học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào THCS được khảo sát chất lượng đối với 04 kỹ năng ngôn ngữ tiếng Việt và kỹ năng tính toán cơ bản trên phạm vi toàn tỉnh đạt yêu cầu, trong đó có 70% đạt mức khá trở lên.

- Mỗi huyện, thành phố phát triển tối thiểu 2 mô hình sân chơi trí tuệ cho học sinh tiểu học ở cấp trường, cấp huyện để tạo nguồn học sinh giỏi cho cấp THCS, trong đó có sân chơi về ngôn ngữ dành cho học sinh dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn để củng cố, phát triển khả năng tiếng Việt.

- Tối thiểu có 50% học sinh ở vùng thuận lợi được học Tin học và tiếng Anh tự chọn ở lớp 1, lớp 2.

- Có tối thiểu 40% trường tiểu học có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEM hiệu quả.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

- 100% trường tiểu học có đủ điều kiện (*nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất*) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định; khoảng 15% học sinh khuyết tật có nguyện vọng được tham gia học tập tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.

2.2.2. Cấp THCS

- Cùng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS, đến năm 2022 tỉnh được công nhận phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

- Xây dựng tối thiểu mỗi huyện một trường công lập có cấp THCS trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục và xã hội hóa giáo dục để các trường học khác trên địa bàn học tập.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học toàn cấp đến năm 2025 giảm xuống còn dưới 1,5%.

- Khoảng 55% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học chương trình THPT, khoảng 15% tiếp tục học chương trình GDTX, ít nhất 30% tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Có tối thiểu 90% học sinh hoàn thành chương trình lớp 9 đạt yêu cầu qua kỳ đánh giá chất lượng cấp THCS quy mô cấp tỉnh.

- Các trường THCS thuộc vùng khó khăn: Hàng năm có đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, tham gia và có học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện. Các trường thuộc vùng thuận lợi: Hàng năm có đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, tham gia và có học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

- Tối thiểu 50% trường có cấp THCS có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEM hiệu quả.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

- 100% trường THCS có đủ điều kiện (*nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất*) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định; khoảng 10% học sinh khuyết tật có nguyện vọng được tham gia học tập tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.

2.2.3. Cấp THPT

- Tỷ lệ học sinh bỏ học toàn cấp đến năm 2025 giảm xuống còn dưới 3,0%.

- Giữ vững và tiếp tục cải thiện tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đã đạt được năm 2021 (98,3%); điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT của tỉnh tối thiểu bằng điểm trung bình các môn thi toàn quốc, tối thiểu xếp thứ 45/63 tỉnh thành về trung bình điểm các môn thi tốt nghiệp THPT; điểm trung bình cả năm lớp 12 (*điểm học bạ*) cao hơn trung bình điểm thi tốt nghiệp THPT tối đa 1,2 điểm.

- Xây dựng tối thiểu 05 trường THPT công lập trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục và xã hội hóa giáo dục để các trường học khác trên địa bàn tỉnh học tập.

- Hàng năm, các trường có cấp THPT phải có đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, có học sinh tham gia Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt giải. Tối thiểu có 20 giải học sinh giỏi quốc gia, tối thiểu tỉnh xếp thứ hạng 40/63 tỉnh thành.

- Có tối thiểu 50% trường có cấp THPT có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEM hiệu quả.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

- Tăng tỷ lệ học sinh được học trong các trường PTDTNT, được ở bán trú để đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt là dân tộc thiểu số rất ít người (*dân tộc La Ha*).

- 100% trường THPT có đủ điều kiện (*nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất*) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định; khoảng 10% học sinh khuyết tật có nguyện vọng được tham gia học tập tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập của tỉnh.

2.3. Giáo dục thường xuyên

- Tăng cường mở các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ và các lớp chuyên đề chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ để dân số trong độ tuổi từ

15 đến 60 biết chữ mức độ 1 (*ương đương hết lớp 3*) đạt 99,8%; biết chữ mức độ 2 trở lên (*ương đương hết lớp 5*) đạt 96,7%.

- 100% các xã trong tỉnh hàng năm được kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập cấp xã".

- 15% học sinh tốt nghiệp THCS học chương trình GDTX cấp THPT tại các trung tâm GDTX kết hợp học nghề; 15% học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học tại các trung tâm GDTX đến năm 2025 giảm xuống dưới 5,0%.

- Sau 3 năm học chương trình GDTX cấp THPT tại các trung tâm GDTX, tối thiểu có 80% học viên được học trung cấp nghề.

- 100% học viên được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với giáo dục và đào tạo

Thực hiện nghiêm túc việc quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La. Tiếp tục nâng cao và xác định rõ vị trí, vai trò của sự nghiệp giáo dục đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã, thôn, bản tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để thật sự coi "Giáo dục và Đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân", "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu". Đặc biệt phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân để phát triển sự nghiệp giáo dục; triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, chương trình hành động của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

Xây dựng chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục trong Nghị quyết của HĐND huyện, xã để cụ thể hóa nội dung của Đề án; hàng năm tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển GD&ĐT trên địa bàn.

Cấp ủy, chính quyền các cấp và các ngành liên quan cần quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương ủng hộ cho phát triển GD&ĐT, tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để xây dựng, sửa chữa trường, lớp học, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học.

Gắn kết quả hoàn thành việc thực hiện các tiêu chí về GD&ĐT trong Đề án này của các đơn vị giáo dục trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý với kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp.

2. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục chính trị tư tưởng

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong nhân dân, phụ huynh học sinh về vị trí, vai trò của giáo dục, nâng cao mặt bằng dân trí, phát triển nhân lực, đặc biệt chăm lo cho học sinh là người dân tộc thiểu số, dân tộc rất ít người; về chủ trương, quan điểm phát triển giáo dục và cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa

bản tỉnh Sơn La; có nhận thức đúng về vị trí của giáo dục, về công tác xã hội hóa giáo dục và trách nhiệm của toàn xã hội đồng hành với ngành giáo dục trong phát triển sự nghiệp GD&ĐT; có nhận thức đúng về phân luồng học sinh sau THCS, về việc học nghề sau THPT để lập thân, lập nghiệp và đóng góp xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh trong tương lai.

Làm tốt công tác truyền thông để tạo sự đồng thuận của xã hội chung tay chăm lo công tác GD&ĐT và tạo tâm thế tốt cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ dạy - học.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng và nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong các cơ sở giáo dục. Gắn kết chặt chẽ giữa sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương với quản lý chuyên môn của ngành giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn các huyện, thành phố.

Thường xuyên thực hiện tốt và công tác chính trị tư tưởng trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ; xây dựng đạo đức, lối sống gương mẫu của người thầy.

Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho học sinh trong các trường học với nội dung cốt lõi là thi đua học tốt, rèn luyện tốt để thực hiện thành công “khát vọng của thế hệ trẻ Việt Nam là đưa đất nước đi tới phồn vinh, hùng cường, thịnh vượng, sánh vai với các nước phát triển trong khu vực và thế giới”.

3. Hoàn thiện chính sách và bổ sung nguồn lực tài chính

Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành thời gian qua. Nghiên cứu, hoàn thiện hoặc xây dựng, ban hành bổ sung một số cơ chế, chính sách mới để điều hành, khuyến khích việc huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; có chế độ động viên, khuyến khích sự phấn đấu của cán bộ quản lý, nhà giáo, học sinh và toàn xã hội vì sự nghiệp giáo dục; chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành GD&ĐT.

Tăng cường đầu tư nguồn lực từ ngân sách Nhà nước cho giáo dục, tranh thủ tối đa nguồn lực xã hội hóa; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Xây dựng và ban hành Kế hoạch xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2021-2025 để các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương có những chỉ đạo cụ thể nhằm đa dạng nguồn lực đầu tư cho giáo dục cùng với nguồn lực đầu tư của Nhà nước về kinh phí, vật chất, nhân lực và tinh thần theo từng kỳ, từng giai đoạn để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho giáo dục phát triển.

Thực hiện công khai hóa về chất lượng giáo dục, tài chính của các cơ sở giáo dục; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục nhằm tạo niềm tin, sự đồng thuận ủng hộ của xã hội nhằm đóng góp vào sự nghiệp giáo dục ngày càng lớn hơn.

4. Củng cố và phát triển mạng lưới, quy mô trường, lớp học; cải thiện điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả việc sáp nhập các trường học. Tiếp tục rà soát, thực hiện dồn các điểm trường lẻ ở những địa phương có thể tiếp tục thực hiện được.

Đảm bảo số học sinh/lớp đúng quy định. Chia tách các trường mầm non có trên 7 điểm trường, có trên 20 nhóm lớp và trên 700 trẻ; trường liên cấp hoạt động không hiệu quả do vị trí địa lý không thuận lợi cho công tác quản lý; các trường tiểu học có quá 8 điểm trường hoặc trên 30 lớp hoặc trên 1.200 học sinh; các trường liên cấp TH & THCS có quá 45 lớp và trên 2000 học sinh.

Xây dựng Kế hoạch phát triển hệ thống trường trọng điểm có chất lượng cao cấp mầm non, tiểu học, THCS, THPT, nâng cao chất lượng trường chuyên biệt; Hoàn thành Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Phát triển, mở rộng quy mô các trường PTDTNT, PTDTBT để đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt là dân tộc thiểu số rất ít người.

Tập trung chỉ đạo củng cố và phát triển phương thức GDTX, phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi đối tượng có nhu cầu trong xã hội.

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo đảm bảo đủ số lượng và chất lượng

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 13/8/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông và tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh về thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS đáp ứng Luật Giáo dục giai đoạn 2021-2025.

Xây dựng Đề án đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

Rà soát, bổ sung biên chế giáo viên theo định mức quy định; điều tiết cơ cấu giáo viên, từng bước giải quyết tình trạng thừa, thiếu cục bộ.

Xây dựng kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực giáo viên toàn ngành giai đoạn 2021-2025 để có căn cứ xây dựng phương án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ; giải quyết chế độ đối với giáo viên không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo đội ngũ giáo viên các cấp đủ năng lực để đảm nhận thực hiện hiệu quả vai trò then chốt trong công tác cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục, coi trọng quản lý chất lượng

6.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo phải nắm vững, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng các chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Nhà nước, của Pháp luật; các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, Ngành có liên quan và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ thuộc hoặc có liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT.

Nâng cao năng lực tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp để có được sự quan tâm, chỉ đạo và đầu tư các nguồn lực đảm bảo chất lượng giáo dục cho các đơn vị trực thuộc.

Sở Giáo dục và Đào tạo và các Phòng Giáo dục và Đào tạo phải là đơn vị đi đầu, gương mẫu trong đổi mới công tác quản lý, áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, phù hợp với xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, tích cực góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo chủ trương của Chính phủ và của UBND tỉnh.

Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục và nêu cao tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu của người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục từ tỉnh đến huyện. Cơ quan quản lý giáo dục và người đứng đầu phải chịu trách nhiệm chính về chất lượng giáo dục của tỉnh, của huyện.

Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp cho các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục trong quản lý chuyên môn, quản lý nhân sự, quản lý tài chính theo quy định của pháp luật nhằm phát huy tối đa tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị trường học. Thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong công tác quản lý, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị trường học; trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp học.

Tăng cường hiệu quả công tác đánh giá người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ sở giáo dục. Xây dựng Kế hoạch khảo sát, đánh giá kết quả công tác, lấy phiếu tín nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ sở giai đoạn 2022-2025 theo Quy định số 319-QĐ/TU của Tỉnh ủy và các quy định của Đảng và Nhà nước hiện hành. Đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng; qua kết quả xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, kết quả cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường; định kỳ tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, ý kiến đóng góp, nhận xét theo quy định đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (*của giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh...*); xin ý kiến cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể địa phương về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm

vụ của cán bộ quản lý để phục vụ công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, thực hiện thi đua - khen thưởng hàng năm.

Tăng cường công tác thanh tra giáo dục. Tập trung thanh tra thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong công tác quản lý của trường phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, hiệu trưởng các trường học, thực hiện nhiệm vụ giáo dục của giáo viên; đảm bảo nghiêm túc, dân chủ, khách quan, chỉ rõ các khuyết điểm, hạn chế và sai phạm (nếu có) để chấn chỉnh, khắc phục và xử lý nghiêm túc theo quy định.

6.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm quản trị các đơn vị giáo dục

Hiệu trưởng, giám đốc các trung tâm là người chịu trách nhiệm chính về chất lượng giáo dục của đơn vị mình; phải nắm vững, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng các quy định của Nhà nước, của Pháp luật; các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ thuộc hoặc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo cấp học.

Hiệu trưởng/giám đốc trung tâm phải là người chịu trách nhiệm chính báo cáo, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác phát triển giáo dục GD&ĐT, nâng cao chất lượng giáo dục; phải là người tiên phong, gương mẫu trong mọi công việc của đơn vị, đồng thời là người hướng dẫn, tư vấn, động viên khuyến khích các cá nhân và tập thể thực hiện tốt mục tiêu chất lượng và mọi nhiệm vụ của đơn vị; chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng giáo dục đối với từng học sinh/học viên của đơn vị; phải thường xuyên bám trường, bám lớp, sâu sát với giáo viên, học sinh/học viên; thường xuyên giữ mối liên hệ khăng khít với gia đình học sinh/học viên và các cơ quan quản lý, đơn vị và tổ chức có liên quan để phối hợp, khắc phục khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đơn vị.

Nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý các đơn vị giáo dục, đảm bảo tính gương mẫu và kỷ luật hành chính trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng/Giám đốc, phó giám đốc phải báo cáo kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; công khai kế hoạch, lịch công tác hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học trên cổng thông tin điện tử của đơn vị để giáo viên, học sinh/học viên, phụ huynh học sinh/học viên, các cơ quan, đoàn thể, nhân dân địa phương nơi đơn vị đóng biết, giám sát và phối hợp, hỗ trợ trong công tác.

Thực hiện nghiêm túc đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, qua kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục môn học của giáo viên; kết quả thực hiện các nhiệm vụ giáo dục được giao; qua chất lượng và kết quả cải tiến chất lượng môn học hoặc nội dung giáo dục được phân công phụ trách, thực hiện. Việc đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chất lượng của giáo viên phải được thực hiện dưới sự kiểm soát chất lượng một cách nghiêm túc của đơn vị giáo dục qua các kỳ kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng theo chuẩn chung của trường, của phòng hoặc của Sở Giáo dục và Đào tạo. Từng bước tiến tới sử dụng kết quả khảo sát năng lực giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm trong công tác thi đua - khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xử lý và sắp xếp lại giáo viên không đáp ứng được yêu cầu công việc theo quy định.

Nâng cao năng lực quản lý tài chính trường học, đảm bảo các đơn vị giáo dục thực hiện tốt quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và chính sách của nhà nước, của tỉnh đối với học sinh/học viên để nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Đổi mới tổ chức dạy và học, ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý giáo dục

7.1. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá để triển khai thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018

Nhà trường/trung tâm, giáo viên phải xác định đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá là phương châm cốt lõi của quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. Các đơn vị, từng giáo viên thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng như: dạy học trực tuyến, qua internet, truyền hình; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh/học viên cách tự học, học cách học, cách tư duy; tránh tình trạng máy móc trong dạy học. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, giúp học sinh/học viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số; có tư duy sáng tạo và khả năng hội nhập quốc tế để trở thành công dân toàn cầu.

Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới. Trong đó quan tâm đến công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên ngoại ngữ, tin học đảm bảo 100% học sinh tiểu học được học tin học, ngoại ngữ (*trọng tâm là tiếng Anh*) từ lớp 3, 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 80% học sinh THCS được học Tin học (*ưu tiên dạy Tin học ở các trường thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn*); rà soát, bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới; bồi dưỡng năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả chương trình sách giáo khoa mới, đảm bảo chất lượng giáo dục phải được quan tâm ngay từ những năm đầu tiên triển khai chương trình mới từ đầu các cấp học, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng cấp THPT.

Củng cố đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán; làm tốt khâu đánh giá, lựa chọn đội ngũ, xây dựng quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động qua đó thực hiện tốt việc hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

7.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng giáo dục

7.2.1. Công tác đánh giá, bàn giao, nghiệm thu chất lượng giáo dục

Thực hiện việc đánh giá chất lượng giáo dục thực chất ở tất cả các cấp học, quyết tâm xóa bỏ “bệnh thành tích” trong đánh giá chất lượng giáo dục. Cán bộ quản lý, giáo viên không nỗ lực nâng cao chất lượng một cách thực chất, để tồn tại “bệnh thành tích” trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm trước các cấp quản lý cấp trên.

Thực hiện nghiêm túc công tác bàn giao, nghiệm thu chất lượng giữa các cấp học và trong các khối lớp của một cấp học một cách thực chất. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục, chất lượng giáo dục của nhà trường với trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên thuộc quyền quản lý.

Đặc biệt chú trọng giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy thực tế của giáo viên. Gắn trách nhiệm của giáo viên đứng lớp với việc bàn giao chất lượng cuối năm học để nâng cao ý thức trách nhiệm trong giảng dạy và giáo dục của giáo viên trong các nhà trường, giúp giáo viên kịp thời nắm bắt kết quả học tập “thực chất” của từng học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp; thực hiện ký cam kết chất lượng, gắn trách nhiệm của giáo viên với kết quả học tập của học sinh, tránh để xảy ra tình trạng học sinh “ngồi nhầm lớp”, hạn chế sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các bậc học; các giáo viên có học sinh không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng phải chịu trách nhiệm trước các cấp quản lý và có trách nhiệm phụ đạo, dạy bổ sung kiến thức cho học sinh đến khi học sinh đó có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết theo quy định.

7.2.2. Tổ chức các kỳ kiểm tra, thi; đánh giá, khảo sát chất lượng giáo dục

Định kỳ tổ chức khảo sát chất lượng đối với các lớp đầu cấp (*lớp 1, lớp 6*) vào đầu năm học. Tổ chức phân tích, đối sánh kết quả khảo sát với kết quả bàn giao chất lượng giữa các cấp học để thực hiện tốt 3 mục tiêu: (1) đánh giá việc thực hiện công tác bàn giao, nghiệm thu chất lượng của các cơ sở giáo dục và các phòng GD&ĐT; (2) đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu, chất lượng giáo dục của cấp học dưới, đồng thời phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng với cấp học dưới để đảm bảo năm học sau cấp học dưới bàn giao học sinh cho cấp học trên phải có sự tiên bộ về chất lượng; (3) làm cơ sở để các cơ sở giáo dục tổ chức dạy bổ sung kiến thức, kỹ năng cho học sinh các lớp đầu cấp, trang bị đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh đáp ứng yêu cầu chương trình của cấp học.

Tổ chức thi/kiểm tra học kỳ theo đề thi chung và hướng dẫn của Sở, của Phòng Giáo dục và Đào tạo và của các nhà trường phù hợp với mục tiêu kiểm soát chất lượng giảng dạy của các đơn vị, hạn chế tình trạng giáo viên và các nhà trường thực hiện chỉ tiêu chất lượng được giao không thực chất. Sử dụng kết quả thi theo đề thi chung để đánh giá chính xác chất lượng và kiểm soát hiệu quả công tác quản lý, dạy học của các đơn vị. Kiên quyết xử lý nghiêm minh các trường hợp thực hiện không nghiêm túc việc ra đề, tổ chức thi, coi thi, giám sát, chấm thi, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Tổ chức kỳ đánh giá chất lượng cấp THCS theo đề thi chung và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo ngay sau khi học sinh hoàn thành chương trình lớp 9. Kết quả đánh giá được phân tích đến từng trường THCS và được thông báo tới UBND các huyện, thành phố để có sự phối hợp chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục, qua đó từng bước hạn chế “bệnh thành tích” ở cấp THCS, khắc phục tình trạng đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS và lớp 9 không thực chất của các trường THCS. Kết quả đánh giá được sử dụng làm thước đo để kiểm soát chất lượng của bậc học THCS, là căn cứ tham khảo để xem xét trách nhiệm thực hiện

nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, giáo viên và các trường THCS; đồng thời là căn cứ để các trường THCS, các Phòng Giáo dục và Đào tạo có các giải pháp nâng cao chất lượng thực chất. Các trường THPT tuyển sinh theo hình thức xét tuyển có thể tham khảo kết quả đánh giá chất lượng học sinh lớp 9 trong việc xét tuyển vào lớp 10.

Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh vào Trường THPT Chuyên. Có lộ trình từng bước tăng số trường có cấp THPT tổ chức tuyển sinh theo hình thức thi tuyển, để đảm bảo sự công bằng cho các nhà trường “dạy thật”, cho học sinh “học thật, thi thật”. Qua đó từng bước hạn chế “bệnh thành tích” ở cấp THCS, khắc phục tình trạng đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 9 không thực chất của các trường THCS, là căn cứ để các trường THCS, các Phòng Giáo dục và Đào tạo có các giải pháp nâng cao chất lượng thực chất.

Tiếp tục tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT nghiêm túc, khách quan, công bằng, trung thực ở tất cả các khâu, đồng thời giữ vững và tiếp tục cải thiện tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT một cách thực chất, bền vững. Tiếp tục huy động sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, của cha mẹ học sinh trong việc huy động học sinh tham gia ôn tập chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp THPT tại các nhà trường.

Tổ chức hiệu quả Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đối với cấp THCS và cấp THPT. Nâng cao chất lượng lựa chọn, ôn luyện đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, chú trọng khâu tạo nguồn học sinh giỏi từ cấp học dưới, đặc biệt cấp THCS.

Từng bước chuẩn hóa công tác ra đề thi học sinh giỏi các cấp, đề thi thử kiểm tra học kỳ; phân cấp ra đề thi phù hợp với phân cấp quản lý; thực hiện tốt việc bồi dưỡng đội ngũ cốt cán về kỹ năng, quy trình ra đề thi; từng bước xây dựng ngân hàng đề thi phục vụ cho công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục.

7.3. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường

Đối với giáo dục đại trà, tập trung dạy học ở mức cơ bản, đảm bảo từng bước đạt chuẩn chất lượng theo yêu cầu, với lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học dưới một cách thực chất để tạo nền tảng kiến thức bền vững cho mục tiêu nâng cao chất lượng ở cấp THPT. Thực hiện hiệu quả việc bù đắp kiến thức cho học sinh các khối lớp, nhất là các lớp đầu cấp; tập trung cao cho việc củng cố kiến thức lớp cuối cấp trước khi chuyển cấp. Tập trung bồi dưỡng nội dung, phương pháp, kỹ năng giảng dạy, ôn tập cho đội ngũ giáo viên lớp 9 để chuẩn bị tốt kiến thức cho học sinh vào THPT. Các trường có cấp THPT chuẩn bị tốt kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết cho học sinh khối 10, 11; tập trung thực hiện hiệu quả công tác ôn tập, dạy bổ sung kiến thức, kỹ năng cho học sinh khối lớp 12, để đạt chỉ tiêu phấn đấu về kết quả chất lượng thi tốt nghiệp THPT và tăng tỉ lệ học sinh vào đại học.

Đối với giáo dục mũi nhọn, quan tâm công tác bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập nâng cao năng lực cho đội giáo viên tham gia ôn luyện học sinh giỏi. Mời một số nhà giáo giỏi có kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh tham gia ôn tập và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giúp giáo viên các huyện, thành phố có cơ hội học tập phương pháp và nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi. Thành lập đội ngũ cố vấn các môn

chuyên THPT; câu lạc bộ bồi dưỡng học sinh giỏi liên trường nhằm tạo điều kiện cho giáo viên được trao đổi học tập lẫn nhau. Trường THPT Chuyên thành lập các câu lạc bộ theo các môn học, khuyến khích sự tham gia của học sinh THCS để tạo cơ hội cho học sinh giỏi có sân chơi trí tuệ để giao lưu, trao đổi, học hỏi với học sinh thế hệ trước và các thầy cô giáo giỏi, đồng thời tạo nguồn học sinh giỏi cho nhà trường ngay từ cấp THCS.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 16/10/2020 về triển khai thí điểm giáo dục STEM/STEAM tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2022 và tiếp tục nhân ra diện rộng trong giai đoạn 2023-2025.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong quản lý, tổ chức dạy học. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ để đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá; cập nhật các giải pháp, phần mềm mới để triển khai trong dạy học.

Xây dựng Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong ngành giáo dục giai đoạn 2021-2025. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo đầy đủ, chính xác để có số liệu xác thực, căn cứ thực tiễn và cơ sở để xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ cụ thể của ngành. Đẩy mạnh việc tổ chức các cuộc thi ngoại ngữ, thực hiện chương trình phổ cập Tin học trong các trường phổ thông, nhất là các trường thuộc địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn. Đưa môn Tin học vào các môn thi học sinh giỏi cấp THCS; tập trung nâng cao chất lượng giải môn Tin học trong các kỳ thi cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục thể chất đối với học sinh trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch về tạo môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho thanh niên, học sinh, sinh viên. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục đa dạng, các hoạt động trải nghiệm ở trong và ngoài nhà trường.

Phối hợp các môi trường giáo dục, các lực lượng xã hội tăng cường, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục các giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh, qua đó giúp học sinh rèn luyện, hoàn thiện nhân cách, góp phần đẩy lùi tiêu cực, tệ nạn xã hội trong và ngoài nhà trường. Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tệ nạn xã hội và ma túy xâm nhập học đường. Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa học sinh với học sinh, thầy cô giáo với học sinh, giữa đồng nghiệp với nhau, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để tạo ra môi trường xã hội và môi trường sư phạm trong sạch, lành mạnh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Quan tâm đầu tư và phát huy hiệu quả hoạt động của thư viện trường học, phát triển văn hóa đọc trong các nhà trường để hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục khác và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nói chung. Tổ chức thư viện trường học hướng tới phục vụ cộng đồng.

Thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Trong đó chú trọng một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục hướng nghiệp để học sinh lựa chọn hướng đi phù hợp sau khi hoàn thành chương trình THCS, giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học sau THCS. Khuyến khích học sinh không có nguyện vọng học tiếp chương trình THPT tham gia học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc học chương trình GDTX cấp THPT kết hợp với học nghề để trở thành người lao động có tay nghề, có trình độ, góp phần củng cố lực lượng lao động trình độ cao cho địa phương.

- Các trường có cấp THPT, các trung tâm GDTX chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các trường THCS thuộc địa bàn tuyển sinh nắm bắt nhu cầu của học sinh, chủ động trong việc tuyên truyền, hướng dẫn học sinh công tác tuyển sinh vào THPT, GDTX xây dựng phương án tuyển sinh sát thực tiễn. Trong trường hợp địa phương có hiện tượng có nhiều học sinh bỏ học sau THCS, các đơn vị phải tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai các giải pháp tuyên truyền, vận động để học sinh đến trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về công tác tuyển sinh đối với các trường PTDTNT, đảm bảo tuyển chọn được những học sinh ưu tú của các dân tộc thiểu số vào học, tuyển thẳng học sinh dân tộc thiểu số rất ít người vào học theo quy định và có biện pháp đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Tập trung củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả các trung tâm học tập cộng đồng, tạo cơ hội học tập cho mọi đối tượng có nhu cầu trong xã hội. Giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng

Xây dựng và ban hành quy định về hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu thi đua, khen thưởng được cụ thể hóa từ các quy định của nhà nước, của Bộ GD&ĐT, của UBND tỉnh, trọng tâm là kết quả thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục một cách thực chất để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên và các nhà trường.

Điều chỉnh, bổ sung quy chế thi đua - khen thưởng của ngành GD&ĐT và hướng dẫn công tác thi đua - khen thưởng trong toàn ngành phù hợp với từng cấp học, có tính đến yếu tố vùng miền để đảm bảo công tác thi đua - khen thưởng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ, có hiệu quả việc cải tiến chất lượng giáo dục của các nhà trường và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong toàn ngành

Gắn việc đánh giá kết quả thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên với kết quả cải tiến chất lượng giáo dục (*kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong đề án này, đặc biệt là các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục và kết quả của các biện pháp kiểm soát chất lượng của các*

đơn vị giáo dục); với các giải pháp giám sát việc thực hiện chỉ tiêu của các đơn vị; với việc tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp

9.1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, lực lượng xã hội ngoài nhà trường

Phát huy vai trò của Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... để tổ chức, động viên các lực lượng xã hội tham gia các hoạt động giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa ngành GD&ĐT với các tổ chức đoàn thể và địa phương.

Thực hiện tốt việc xây dựng xã hội học tập. Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh, trong đó các cơ quan, các tổ chức chính trị xã hội tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với các đơn vị trực thuộc, các đoàn viên, hội viên trong việc phối hợp với các nhà trường quản lý, giáo dục học sinh thời gian ngoài trường học; trong công tác giáo dục học sinh, vận động học sinh ra lớp; thường xuyên có ý kiến tham gia, góp ý cho nhà trường và cán bộ quản lý, giáo viên trên địa bàn về tinh thần, trách nhiệm và việc thực hiện nhiệm vụ; vận động ủng hộ các nguồn lực cho công tác phát triển GD&ĐT, các hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Đẩy mạnh phong trào Khuyến học, Khuyến tài; biểu dương kịp thời những tổ chức, cá nhân làm Khuyến học xuất sắc, những gia đình, dòng họ, thôn bản, khu dân cư hiếu học tiêu biểu. Khen thưởng giáo viên, học sinh giỏi; động viên, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập.

Tăng cường hiệu quả phối hợp với các trường đại học, các đơn vị đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

9.2. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp trong trường học

Tăng cường vai trò tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong việc giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh. Đoàn trường học các cấp phải là nòng cốt trong cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Có kế hoạch phối hợp với các cơ quan hữu quan, các tổ chức đoàn thể và phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ giáo dục, thực hiện tốt nguyên lý phối hợp giáo dục giữa nhà trường - gia đình - xã hội để cải tiến chất lượng giáo dục; thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa, tăng cường nguồn lực cho các nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Phối hợp với Công đoàn ngành giáo dục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cho giáo viên, học sinh trong công tác giảng dạy và học tập.

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương; nguồn xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án từ nguồn ngân sách được giao trong dự toán hàng năm của ngành GD&ĐT, các địa phương, các đơn vị trường học và các bên liên quan theo quy định hiện hành.

2. Cơ chế tài chính

Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập dự toán, gửi cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt và quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn vị chủ trì thực hiện các giải pháp được quy định trong Đề án có trách nhiệm huy động các nguồn kinh phí hợp pháp, kết hợp với phân ngân sách nhà nước để đảm bảo thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện thực tế và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở GD&ĐT đề xuất các hoạt động phù hợp với nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì triển khai Đề án, có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Chủ trì tham mưu xây dựng, ban hành các kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp đã đề ra trong Đề án; tổ chức thực hiện hiệu quả các kế hoạch, đề án đã ban hành.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án theo từng năm học, tập trung chỉ đạo đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học; hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của các địa phương, đơn vị; đánh giá, báo cáo kết quả triển khai thực hiện trong từng năm học; tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án sau khi kết thúc năm học 2022 - 2023 và tổng kết vào năm 2025.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT tổng hợp chỉ tiêu giáo dục và đào tạo đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan phân bổ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước; xác định tỷ lệ ngân sách hàng năm chi cho giáo dục miền núi, đảm bảo hoạt động chuyên môn, hoạt động thường xuyên cho các đơn vị, trường học; ưu tiên triển khai thực hiện các Đề án, dự án, các chương trình cho phát triển giáo dục.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp GD&ĐT nhằm đảm bảo công tác dạy và học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên công tác ở vùng đặc biệt khó khăn theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; tổng hợp, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn xã hội về vai trò, vị trí giáo dục trong giai đoạn hiện nay đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước yêu cầu đổi mới; về chủ trương cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo; việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố quy hoạch, bố trí quỹ đất cho sự nghiệp GD&ĐT giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp GD&ĐT của địa phương; chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học khi nhận được hồ sơ đề nghị.

7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương chỉ đạo các đơn vị, trường học triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thể lực và tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030; tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, văn hóa, hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh theo nội dung của phong trào xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực"; phát triển các hoạt động trải nghiệm văn hóa, lịch sử; củng cố, nâng cao vai trò của thư viện trường học, phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

8. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện tốt công tác y tế học đường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là trong các trường mầm non, các trường nội trú, bán trú.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS, khuyến khích học sinh theo học các chương trình đào tạo nghề, đẩy mạnh công tác giáo dục nghề nghiệp trong các trung tâm giáo dục thường xuyên.

10. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành, địa phương trong việc triển khai và kiểm tra việc thực hiện công tác giáo dục dân tộc, các chính sách đối với học sinh người dân tộc thiểu số theo quy định của Nhà nước.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn theo thẩm quyền (5 năm; từng năm).

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của các địa phương, đơn vị trường học thuộc phạm vi quản lý đảm bảo việc triển khai phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với yêu cầu, kế hoạch chung của tỉnh trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn.

Tổ chức giao ban, đánh giá kết quả từng năm học, định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định; sơ kết việc thực hiện Đề án sau khi kết thúc năm học 2022 - 2023 và tổng kết vào năm 2025.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể

Quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo; phối hợp triển khai thực hiện Đề án, nhằm làm chuyên biến nhanh về chất lượng giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

13. Các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh

Nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung, phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu của địa phương, xã hội.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng; đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Phối hợp với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo nghề tổ chức các chương trình liên kết đào tạo, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho người lao động, thu hút học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia đào tạo nghề, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS và công tác hướng nghiệp cho học sinh THPT./.